

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 23-9-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Hiếu;

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 418/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Nguyễn Huyền T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 311 I3, đường số 10, khu phố 1, phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Đỗ Hoàng H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 144/7, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai
(Chị T và anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Huyền T trình bày: Chị và anh Đỗ Hoàng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2015 ngày 06/5/2015. Việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi sinh con, anh chị về nhà mẹ ruột của chị ở quận 2, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Trong thời gian ở đây, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, dù được chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi.

Khi con gái được 03 tháng tuổi, chị đề nghị hai vợ chồng về ấp C, xã P để sinh sống để anh có cơ hội thay đổi cách sống và lo cho vợ con nhưng không có kết quả. Chị có nhờ mẹ chồng khuyên nhủ nhưng cũng không giải quyết được vấn đề nên chị đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống. Đến tháng 7 năm 2017, chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N. Sau khi được Tòa án hòa giải, chị thương con nên cho anh một cơ hội để sửa chữa và đã rút đơn khởi kiện. Anh chị về nhà riêng tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng tại đây, anh vẫn thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm chăm sóc vợ con và không lo cho kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị đã sống ly thân với anh H từ tháng 5/2019 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hoàng H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Đỗ Phạm An H, sinh ngày 02/02/2017. Cháu H hiện đang sinh sống cùng chị tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm nhân viên tại Bệnh viện Quốc tế Mỹ với mức thu nhập khoảng 7.794.000 đồng mỗi tháng, có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 23/9/2019.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đỗ Hoàng H các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; giao con chung là cháu Đỗ Phạm An H cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Phạm Nguyễn Huyền T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hoàng H, cư trú tại: số nhà 144/7 ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; nguyên đơn là chị Phạm Nguyễn Huyền T, bị đơn là anh Đỗ Hoàng H và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn – chị Phạm Nguyễn Huyền T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Nguyễn Huyền T và anh Đỗ Hoàng H.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Nguyễn Huyền T và anh Đỗ Hoàng H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2015 ngày 06/5/2015, việc kết hôn do cả hai tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H đã tồn tại mâu thuẫn trong thời gian dài xuất phát từ việc anh H thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Chị T và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần và cho anh H nhiều cơ hội để sửa chữa, xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị T đã sống ly thân với anh H từ tháng 5/2019 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H không chấp hành mà không có lý do. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P thì địa phương không xác định được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh H. Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị T và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đỗ Phạm An H, sinh ngày 02/02/2017. Cháu H hiện đang sinh sống cùng chị T tại thành phố Hồ Chí Minh. Chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu H dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đỗ Phạm An H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Phạm Nguyễn Huyền T đối với anh Đỗ Hoàng H.

Xử cho chị Phạm Nguyễn Huyền T được ly hôn với anh Đỗ Hoàng H.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Phạm An H, sinh ngày 02/02/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Hoàng H được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Nguyễn Huyền T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000751 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang